```
4. Xuyên tạc sự thật lịch sử; phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, vĩ nhân, anh hùng dân tộc; vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan,
tố chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân.
                                                                 CHƯƠNG II
                                                              CƠ SỚ ĐIỆN ÁNH
Điều 12. Cơ sở điện ảnh
1. Cơ sở điện ảnh bao gồm:
a) Cơ sở sản xuất phim;
b) Cơ sở dịch vụ sản xuất phim;
c) Cơ sở in sang, nhân bản phim;
d) Cơ sở bán, cho thuê phim;
đ) Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu phim;
e) Cơ sở chiếu phim;
g) Cơ sở điện ảnh khác theo quy định của pháp luật.
2. Các loại hình hoạt động của cơ sở điện ảnh bao gồm doanh nghiệp điện ảnh và đơn vị sự nghiệp điện ảnh.
Doanh nghiệp điện ảnh hoạt động theo quy định của Luật này, Luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
Đơn vị sự nghiệp điện ảnh được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật này và theo quy định của Chính phủ.
Điều 13. Thành lập và quản lý doanh nghiệp điện ảnh
1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp sản xuất phim, doanh nghiệp phát hành phim và
doanh nghiệp phổ biến phim tại Việt Nam theo quy định của Luật này và Luật doanh nghiệp.
2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp phát hành phim và doanh nghiệp
phổ biến phim tại Việt Nam theo quy định của Luật này và Luật doanh nghiệp.
Điều 14. Điều kiện thành lập doanh nghiệp điện ảnh

    Điều kiện thành lập doanh nghiệp điện ảnh thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp.

2. Đối với doanh nghiệp sản xuất phim, ngoài việc phải có các điều kiện thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp còn phải có Giấy chứng nhận
đủ điều kiện kinh doanh do Bộ Văn hoá - Thông tin cấp.
Điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bao gồm:
a) Có vốn pháp định theo quy định của Chính phủ;
b) Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam.
3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất phim bao gồm:
a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;
b) Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
c) Bản sao giấy tờ chứng nhận thường trú tại Việt Nam của người được đề nghị làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc doanh nghiệp sản xuất phim.
Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hoá - Thông tin có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận; trường hợp không cấp
giấy chứng nhận phải có văn bản nêu rõ lý do.
Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc doanh nghiệp điện ảnh
1. Có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp.
2. Có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong hoạt động điện ảnh.
3. Đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc doanh nghiệp sản xuất phim, ngoài các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này còn phải đáp
ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 của Luật này.
Điều 16. Đăng ký thành lập doanh nghiệp điện ảnh
1. Tổ chức, cá nhân thành lập doanh nghiệp điện ảnh phải thực hiện đầy đủ các thủ tục thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật này.
2. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh phải gửi bản sao giấy chứng
nhận đăng ký kinh doanh cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh.
3. Khi thay đổi tên, địa chỉ trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có), mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh, vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp,
thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và các vấn đề khác trong nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc
doanh nghiệp điện ảnh đó phải thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày
đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh.
Điều 17. Tạm ngừng kinh doanh, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đối, giải thế, phá sản doanh nghiệp điện ảnh
1. Việc tạm ngừng kinh doanh, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể doanh nghiệp điện ảnh được thực hiện theo quy định của Luật
doanh nghiệp; việc phá sản doanh nghiệp điện ảnh được thực hiện theo quy định của Luật phá sản.
2. Cơ quan đăng ký kinh doanh, trong quá trình giải quyết những nội dung thuộc phạm vi quyền hạn của mình đối với việc tạm ngừng kinh doanh,
chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản của doanh nghiệp điện ảnh phải phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền
về điện ảnh để giải quyết những nội dung có liên quan và thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh kết quả việc giải quyết
của mình trong thời han bảy ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định.
                                                                 CHƯƠNG III
                                                               SÁN XUÂT PHIM
Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp sản xuất phim
1. Thực hiện kinh doanh theo đúng nội dung đã đăng ký.
2. Hợp tác, liên doanh với tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài để sản xuất phim; việc hợp tác, liên doanh với tổ chức, cá nhân
nước ngoài để sản xuất phim phải thực hiện đúng nội dung giấy phép của Bộ Văn hóa - Thông tin.
3. Cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài; việc cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức,
cá nhân nước ngoài phải thực hiện đúng nội dung giấy phép của Bộ Văn hóa - Thông tin.
4. Nôp lưu chiểu, nôp lưu trữ phim.
Điều 19. Quyền và trách nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc doanh nghiệp sản xuất phim
1. Tổ chức thực hiện kinh doanh theo đúng nội dung đã đăng ký.
2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất phim hằng năm.
3. Quản lý tổ chức, nhân sự và cơ sở vật chất, kỹ thuật của doanh nghiệp sản xuất phim.
4. Tuyển chon kịch bản văn học.
5. Ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân đặt hàng sản xuất phim, biên kịch, đạo diễn và các thành viên khác trong đoàn làm phim.
6. Đề nghị cấp giấy phép trước khi phổ biến phim.
7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung phim.
8. Thực hiện quy định về quyền tác giả và quyền liên quan.
9. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.
Điều 20. Quyền và trách nhiệm của biên kịch, đạo diễn và các thành viên khác trong đoàn làm phim
1. Quyền và trách nhiệm của biên kịch, đạo diễn và các thành viên khác trong đoàn làm phim thực hiện theo nội dung hợp đồng với Giám đốc hoặc
Tổng giám đốc doanh nghiệp sản xuất phim.
2. Hợp đồng giữa biên kịch, đạo diễn và các thành viên khác trong đoàn làm phim với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc doanh nghiệp sản xuất phim
được ký kết và thực hiện trên cơ sở thoả thuận và không trái với quy định của pháp luật.
Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp dịch vụ sản xuất phim
1. Thực hiện kinh doanh theo đúng nội dung đã đăng ký.
2. Hợp tác, liên doanh với tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài để cung cấp dịch vụ sản xuất phim.
3. Cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài theo hợp đồng; việc cung cấp dịch vụ sản xuất
phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài phải thực hiện đúng nội dung giấy phép của Bộ Văn hóa Thông tin.
Điều 22. Quyền và trách nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc doanh nghiệp dịch vụ sản xuất phim

    Tổ chức thực hiện kinh doanh theo đúng nội dung đã đăng ký.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hằng năm.
3. Quản lý tổ chức, nhân sự và cơ sở vật chất, kỹ thuật của doanh nghiệp dịch vụ sản xuất phim.
4. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.
Điều 23. Cấp giấy phép hợp tác, liên doanh sản xuất phim, cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài
1. Việc hợp tác, liên doanh để sản xuất phim với tổ chức, cá nhân nước ngoài, việc cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài
```

sang, nhân bản phim nhựa, băng phim, đĩa phim phải có hợp đồng bằng văn bản với chủ sở hữu phim. Điều 30. Xuất khẩu phim, nhập khẩu phim 1. Tổ chức thực hiện việc xuất khẩu, nhập khẩu phim phải tuân thủ các quy định sau đây: a) Phim xuất khẩu phải có giấy phép phổ biến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh. Phim xuất khẩu do Đài truyền hình Việt Nam sản xuất phải có quyết định phát sóng của Tổng giám đốc Đài truyền hình Việt Nam; phim xuất khẩu do đài phát thanh truyền hình cấp tỉnh sản xuất phải có giấy phép phổ biến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh. Băng phim, đĩa phim xuất khẩu phải được dán nhãn kiểm soát của Bộ Văn hoá - Thông tin; b) Phim nhập khẩu phải có bản quyền hợp pháp và không vi phạm quy định tại Điều 11 của Luật này. 2. Doanh nghiệp phát hành phim, doanh nghiệp khác có đăng ký kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu phim phải có rạp chiếu phim để tham gia phổ biến 3. Doanh nghiệp sản xuất phim được kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu phim và mỗi năm số lượng phim nhập khẩu không được vượt quá hai lần số lượng phim do doanh nghiệp sản xuất. 4. Doanh nghiệp chiếu phim được nhập khẩu phim để phổ biến. 5. Đài truyền hình Việt Nam, đài phát thanh truyền hình cấp tỉnh được xuất khẩu phim do mình sản xuất, được nhập khẩu phim để phát sóng trên truyền hình và mỗi năm số tập phim nhập khẩu không được vượt quá hai lần số tập phim do mình sản xuất. 6. Đơn vị sự nghiệp được nhập khẩu phim, lưu hành nội bộ để phục vụ yêu cầu công tác của mình; người đứng đầu đơn vị phải chịu trách nhiệm về nội dung, quản lý và sử dụng phim nhập khẩu.

7. Cơ quan nghiên cứu khoa học được nhập khẩu phim phục vụ công tác nghiên cứu khoa học phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình;

1. Hộ gia đình in sang, nhân bản, bán, cho thuê phim sử dụng thường xuyên mười lao động trở lên phải đăng ký thành lập doanh nghiệp hoạt động

2. Hộ gia đình in sang, nhân bản, bán, cho thuê phim có quy mô nhỏ, sử dụng thường xuyên dưới mười lao động, thực hiện đăng ký kinh doanh và

CHƯƠNG V PHỔ BIỂN PHIM

3. Tổ chức chiếu phim có giấy phép phổ biến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh hoặc có quyết định phát sóng của Tổng giám

4. Bảo đảm tỷ lệ số buổi chiếu phim Việt Nam so với phim nước ngoài, giờ chiếu phim Việt Nam, thời lượng và giờ chiếu phim cho trẻ em theo quy

1. Nhà nước có chính sách đầu tư thiết bị chiếu phim, phương tiện vận chuyển, cấp kinh phí hoạt động cho đội chiếu phim lưu động do Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, Uỷ ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Uỷ ban nhân dân cấp huyện), đơn vị lực lượng vũ trang thành lập để phục vụ chiếu phim ở nông thôn, miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, phục vụ lực lượng vũ trang nhân

2. Ngân sách nhà nước bảo đảm 100% chi phí buổi chiếu phim ở miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, phục vụ lực lượng vũ

trang nhân dân; bảo đảm từ 50% đến 80% chi phí buổi chiếu phim ở các vùng nông thôn cho đội chiếu phim lưu động.

phải được Bộ Văn hóa - Thông tin cấp giấy phép.

b) Kịch bản văn học bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài.

1. Tổ chức, cá nhân đặt hàng sản xuất phim là chủ đầu tư dự án sản xuất phim.

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp phát hành phim

1. Tổ chức thực hiện kinh doanh theo đúng nội dung đã đăng ký.

3. Thực hiện quyền và trỏch nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

1. Thực hiện kinh doanh theo đúng nội dung đã đăng ký.

được dán nhãn kiểm soát của Bộ Văn hoá - Thông tin.

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

phép phải có văn bản nêu rõ lý do. Điều 24. Sản xuất phim đặt hàng

nghiệp sản xuất phim về nội dung phim.

trước pháp luật về nội dung phim.

Điều 28. Bán, cho thuế phim

Luật doanh nghiệp và Luật này.

Điều 29. In sang, nhân bản phim

Điều 25. Sản xuất phim truyền hình

xuất phim.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép của doanh nghiệp sản xuất phim, doanh nghiệp dịch vụ sản xuất phim bao gồm:

đầu tư dư án sản xuất phim thành lập có trách nhiệm thẩm định kịch bản văn học để tư vấn cho chủ đầu tư.

tổ chức sản xuất phim để phát sóng trên đài truyền hình của mình, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 27. Quyền và trách nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc doanh nghiệp phát hành phim

2. Quản lý tổ chức, nhân sự và cơ sở vật chất, kỹ thuật của doanh nghiệp phát hành phim.

người đứng đầu cơ quan phải chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng phim nhập khẩu.

2. Bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật của rạp chiếu phim theo quy định của Bộ Văn hoá - Thông tin.

Điều 33. Quyền và trách nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc cơ sở chiếu phim

3. Hợp tác, liên doanh với tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài để chiếu phim.

Điều 31. Hộ gia đình in sang, nhân bản, bán, cho thuê phim

hoạt động theo quy định của Luật này và quy định của Chính phủ.

1. Tổ chức thực hiện kinh doanh theo đúng nội dung đã đăng ký.

2. Quản lý tổ chức, nhân sự và cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở chiếu phim.

đốc Đài truyền hình Việt Nam, Giám đốc đài phát thanh truyền hình cấp tỉnh.

nhiệm cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

cấp tỉnh sản xuất đã có quyết định phát sóng của Giám đốc đài phát thanh truyền hình cấp tỉnh;

a) Hội đồng thẩm định phim cấp trung ương do Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin thành lập;

phát thanh truyền hình cấp tỉnh do Giám đốc đài phát thanh - truyền hình cấp tỉnh thành lập.

của Tổng giám đốc Đài truyền hình Việt Nam, Giám đốc đài phát thanh - truyền hình cấp tỉnh;

hoan phim quốc tế, hội chơ phim quốc tế, tổ chức những ngày phim Việt Nam ở nước ngoài;

c) Việc tổ chức những ngày phim Việt Nam ở nước ngoài phải được Bộ Văn hóa - Thông tin chấp thuận.

1. Đài truyền hình Việt Nam được tổ chức liên hoan phim truyền hình quốc gia và quốc tế tại Việt Nam.

Nam ở nước ngoài phải ghi mục đích, pham vị, thời gian, địa điểm tổ chức, danh mục phim và đối tương tham gia.

b) Hội đồng thẩm định phim cấp tỉnh do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh thành lập;

Nam, đài phát thanh truyền hình cấp tỉnh được phổ biến trong phạm vi cả nước.

phát sóng trên đài truyền hình của mình phim do mình sản xuất hoặc nhập khẩu.

1. Thẩm quyền thành lập hội đồng thẩm định phim được quy định như sau:

việc phổ biến phim và phân loại phim để phổ biến theo lứa tuổi.

và phải được Bộ Văn hoá - Thông tin chấp thuận;

c) Cơ sở sản xuất phim có quyền tham dự liên hoan phim;

1. Thẩm quyền cấp giấy phép phổ biến phim được quy định như sau:

6. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

theo quy định của Luật này và Luật doanh nghiệp.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở chiếu phim

5. Bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cho khán giả.

định của Chính phủ.

Điều 34. Chiếu phim lưu động

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

phổ biến phim;

b) Giấy chứng nhận bản quyền phim.

vi phạm quy định tại Điều 11 của Luật này.

Điều 39. Hội đồng thẩm định phim

kịch và các thành viên khác.

Thông tin chấp thuận.

truyền hình cấp tỉnh;

luât Viêt Nam.

không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

Điều 45. Lưu chiểu phim

có thẩm quyền về điện ảnh.

Điều 48. Thanh tra điện ảnh

2. Thanh tra điện ảnh có các nhiệm vụ sau đây:

Vi phạm quy định tại Điều 11 của Luật này.

quy định tại khoản 3 Điều 24 của Luật này.

Tổng giám đốc Đài truyền hình Việt Nam.

8. Cho thuê, bán phim lưu hành nôi bô.

thẩm quyền về điện ảnh.

Điều 54. Hiệu lực thi hành

Điều 51. Hành vi vi pham trong phổ biến phim

của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh.

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2007.

Điều 50. Hành vi vi phạm trong phát hành phim

a) Thanh tra việc thực hiện pháp luật, chính sách về điện ảnh;

tin hoặc thực hiện không đúng nôi dung quy định trong giấy phép.

kịch, đạo diễn và các thành viên khác trong đoàn làm phim.

không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

Điều 42. Tổ chức liên hoan phim truyền hình

chấp thuận thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật này.

Điều 44. Văn phòng đại diện của cơ sở đi�n ảnh Việt Nam ở nước ngoài

các quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước sở tại;

Điều 47. Quyền và nghĩa vu của cơ sở lưu trữ phim

1. Bảo đảm an toàn phim, vật liệu gốc của phim và bảo quản đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

2. Hồ sơ đề nghị đặt văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh Việt Nam ở nước ngoài bao gồm:

Điều 38. Thẩm quyền cấp giấy phép phổ biến phim

1. Thực hiện kinh doanh theo đúng nội dung đã đăng ký.

2. Trao đổi phim, hợp tác, liên doanh với tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài để phát hành phim.

3. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy

2. Chủ đầu tư dự án sản xuất phim đặt hàng theo kịch bản văn học của mình phải liên đới chịu trách nhiệm với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc doanh

3. Đối với phim đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước, chủ đầu tư dự án sản xuất phim phải tuyến chọn kịch bản văn học trên cơ sở ý kiến của hội đồng thẩm định kịch bản văn học và chọn doanh nghiệp sản xuất phim theo quy định của Luật đấu thầu. Hội đồng thẩm định kịch bản văn học do chủ

4. Chủ đầu tư dự án sản xuất phim có trách nhiệm cung cấp tài chính và thực hiện các điều khoản khác theo đúng hợp đồng với doanh nghiệp sản

5. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc doanh nghiệp sản xuất phim phải thực hiện đúng hợp đồng với chủ đầu tư dự án sản xuất phim và chịu trách nhiệm

Việc sản xuất phim truyền hình của Đài truyền hình Việt Nam, đài phát thanh - truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là đài phát thanh - truyền hình cấp tỉnh) do Tổng giám đốc Đài truyền hình Việt Nam, Giám đốc đài phát thanh - truyền hình cấp tỉnh quyết định đầu tư và

> CHƯƠNG IV PHÁT HÀNH PHIM

1. Tổ chức, cá nhân được bán, cho thuệ phim nhưa, băng phim, đĩa phim, mở đại lý, cửa hàng bán, cho thuệ băng phim, đĩa phim theo quy định của

2. Chỉ được bán, cho thuê phim nhựa, băng phim, đĩa phim đã có giấy phép phổ biến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh hoặc đã có quyết định phát sóng của Tổng giám đốc Đài truyền hình Việt Nam, Giám đốc đài phát thanh truyền hình cấp tỉnh; băng phim, đĩa phim phải

2. Chỉ được in sang, nhân bản để phát hành phim nhựa, băng phim, đĩa phim đã có giấy phép phổ biến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh hoặc đã có quyết định phát sóng của Tổng giám đốc Đài truyền hình Việt Nam, Giám đốc đài phát thanh truyền hình cấp tỉnh. Việc in

1. Tổ chức, cá nhân được kinh doanh in sang, nhân bản phim nhựa, băng phim, đĩa phim theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật này.

3. Cơ sở chiếu phim tư nhân chiếu phim lưu động phục vụ ở nông thôn, miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, Uỷ ban nhân dân cấp huyện được thanh toán chi phí buổi chiếu như cơ sở chiếu phim nhà nước. Điều 35. Phát sóng phim trên hệ thống truyền hình Việc phát sóng phim trên hệ thống truyền hình phải bảo đảm các quy định sau đây: 1. Phim có giấy phép phổ biến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh hoặc có quyết định phát sóng của Tổng giám đốc Đài truyền hình Việt Nam, Giám đốc đài phát thanh - truyền hình cấp tỉnh; 2. Bảo đảm tỷ lệ thời lượng phát sóng phim Việt Nam so với phim nước ngoài, giờ phát sóng phim Việt Nam, thời lượng và giờ phát sóng phim cho trẻ em theo quy định của Chính phủ. Điều 36. Phổ biến phim trên Internet, khai thác phim từ vệ tinh Việc phổ biến phim trên Internet, khai thác phim từ vệ tinh để phổ biến phải thực hiện theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Điều 37. Giấy phép phổ biến phim 1. Phim Việt Nam do cơ sở sản xuất phim sản xuất, phim nhập khẩu chỉ được phát hành, phổ biến khi đã có giấy phép phổ biến phim của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh. 2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phổ biến phim bao gồm:

Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh có trách

3. Phim do Đài truyền hình Việt Nam, đài phát thanh truyền hình cấp tỉnh sản xuất và nhập khẩu đã có quyết định phát sóng trên Đài truyền hình Việt

a) Bộ Văn hóa - Thông tin cấp giấy phép phổ biến phim đối với phim sản xuất và nhập khẩu của cơ sở điện ảnh thuộc trung ương, cơ sở điện ảnh thuộc địa phương và cơ sở điện ảnh tư nhân trong phạm vi cả nước, trừ trường hợp Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh được Chính phủ giao cấp giấy phép

b) Chính phủ căn cứ vào số lượng phim sản xuất và nhập khẩu của các cơ sở điện ảnh thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương quản lý mà quyết định phân cấp cho Uỷ ban nhân dân tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương đó cấp giấy phép phổ biến phim đối với phim sản xuất và nhập khẩu thuộc cơ sở sản xuất phim của địa phương mình, cơ sở điện ảnh tư nhân đóng trên địa bàn và phim xuất khẩu do đài phát thanh truyền hình

c) Tổng giám đốc Đài truyền hình Việt Nam, Giám đốc đài phát thanh - truyền hình cấp tỉnh được quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm quyết định việc

2. Bộ Văn hóa - Thông tin có quyền thu hồi giấy phép phổ biến phim, quyết định phát sóng phim truyền hình; tạm đình chỉ, đình chỉ việc phổ biến phim

c) Hội đồng thẩm định phim của Đài truyền hình Việt Nam do Tổng giám đốc Đài truyền hình Việt Nam thành lập, hội đồng thẩm định phim của đài

2. Hội đồng thẩm định phim có trách nhiệm thẩm định phim để tư vấn cho người đứng đầu cơ quan quyết định thành lập hội đồng thẩm định phim về

3. Hội đồng thẩm định phim có từ năm thành viên trở lên, bao gồm đại diện cơ quan quyết định thành lập hội đồng thẩm định phim, đạo diễn, biên

3. Việc cấp giấy phép phổ biến phim, quyết định phát sóng phim trên truyền hình được thực hiện trên cơ sở ý kiến của hội đồng thẩm định phim.

Điều 40. Quảng cáo phim 1. Quảng cáo phim bao gồm quảng cáo về phim và quảng cáo trong phim. 2. Việc quảng cáo về phim được quy định như sau: a) Doanh nghiệp sản xuất phim, Đài truyền hình Việt Nam, đài phát thanh - truyền hình cấp tỉnh được giới thiệu những thông tin liên quan đến bộ phim trong quá trình chuẩn bị và sản xuất: b) Doanh nghiệp sản xuất phim, Đài truyền hình Việt Nam, đài phát thanh - truyền hình cấp tỉnh không được chiếu toàn bộ nội dung phim để quảng cáo khi chưa có giấy phép phổ biến phim của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh, chưa có quyết định phát sóng của Tổng giám đốc Đài truyền hình Việt Nam, Giám đốc đài phát thanh - truyền hình cấp tỉnh. 3. Việc quảng cáo trong phim được thực hiện theo quy định của pháp luật về quảng cáo. Điều 41. Tổ chức, tham gia liên hoan phim, hội chợ phim 1. Việc tổ chức liên hoan phim quốc gia, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, liên hoan phim quốc tế tại Việt Nam được quy định như sau: a) Bộ Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm tổ chức liên hoan phim quốc gia theo định kỳ và tổ chức liên hoan phim quốc tế tại Việt Nam; b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, Hội điện ảnh được tố chức liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề

d) Phim tham dự liên hoan phim phải có giấy phép phổ biến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh hoặc có quyết định phát sóng

đ) Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài chỉ được chiếu giới thiệu phim nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Văn hóa -

a) Cơ sở sản xuất phim, phát hành phim, phổ biến phim, Đài truyền hình Việt Nam, đài phát thanh - truyền hình cấp tỉnh được quyền tham gia liên

b) Phim tham gia liên hoan phim quốc tế, hội chợ phim quốc tế, những ngày phim Việt Nam ở nước ngoài phải có giấy phép phổ biến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh hoặc có quyết định phát sóng của Tổng giám đốc Đài truyền hình Việt Nam, Giám đốc đài phát thanh

3. Đơn đề nghị tổ chức liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, tổ chức giới thiệu phim nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức những ngày phim Việt

Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Bộ Văn hoá - Thông tin có trách nhiệm trả lời bằng văn bản việc chấp thuận, nếu

2. Đài phát thanh truyền hình cấp tỉnh được tổ chức liên hoan phim truyền hình và phải được Bộ Văn hoá - Thông tin chấp thuận. Thủ tục để được

2. Việc tham gia liên hoan phim, hội chợ phim quốc tế và tổ chức những ngày phim Việt Nam ở nước ngoài được quy định như sau:

3. Phim tham gia liên hoan phim truyền hình phải có quyết định phát sóng của Tổng giám đốc Đài truyền hình Việt Nam, Giám đốc đài phát thanh truyền hình cấp tỉnh. Điều 43. Văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh nước ngoài tại Việt Nam 1. Việc đặt văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và phải được Bộ Văn hóa - Thông tin cấp giấy phép. 2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh nước ngoài tại Việt Nam bao gồm: a) Đơn đề nghị đặt văn phòng đại diện ghi mục đích, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động, trụ sở, giám đốc văn phòng đại diện và cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam; b) Văn bản xác nhận tư cách pháp nhân của cơ sở điện ảnh nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp. 3. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lê, Bộ Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

4. Văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh nước ngoài tại Việt Nam được giới thiệu về hoạt động điện ảnh của cơ sở mình theo quy định của pháp

a) Đơn đề nghị đặt văn phòng đại diện ghi mục đích, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động, trụ sở, giám đốc văn phòng đại diện và cam kết thực hiện đúng

3. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hoá - Thông tin có trách nhiệm trả lời bằng văn bản việc chấp thuận, nếu

CHƯƠNG VI LƯU CHIỀU PHIM, LƯU TRỮ PHIM

1. Việc đặt văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh Việt Nam ở nước ngoài phải được Bộ Văn hóa - Thông tin chấp thuận.

1. Cơ sở sản xuất phim, cơ sở nhập khẩu phim phải nộp một bản lưu chiểu bộ phim tại cơ quan cấp giấy phép phổ biến phim.

4. Cơ sở lưu trữ phim thuộc Đài truyền hình Việt Nam, đài phát thanh - truyền hình cấp tỉnh lưu trữ phim của đài mình.

Việc quản lý và sử dụng nguồn thu thực hiện theo quy định của Bộ Văn hoá - Thông tin và Bộ Tài chính.

1. Thanh tra điện ảnh thuộc thanh tra Bộ Văn hoá - Thông tin thực hiện thanh tra chuyên ngành về điện ảnh.

3. Tổ chức và hoạt động của thanh tra điện ảnh được thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về thanh tra.

c) Xác minh, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo về điện ảnh.

Điều 49. Hành vi vi phạm trong sản xuất phim, cung cấp dịch vụ sản xuất phim

b) Văn bản chấp thuận cho đặt văn phòng đại diện của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của nước sở tại.

2. Phim sản xuất bằng vật liệu nào thì nộp lưu chiểu bằng vật liệu đó. 3. Đối với phim nhựa nhập khẩu, cơ sở nhập khẩu phim nộp lưu chiếu bằng băng phim, đĩa phim được in sang từ bộ phim trình duyệt. 4. Trong thời hạn mười hai tháng, kể từ ngày phim được cấp giấy phép phổ biến, cơ quan nhận lưu chiểu quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm nộp bản phim lưu chiểu cho cơ sở lưu trữ phim. Điều 46. Lưu trữ phim 1. Trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày phim được cấp giấy phép phổ biến, cơ sở sản xuất phim tài trợ, đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước phải nộp lưu trữ vật liệu gốc bao gồm gốc hình, gốc tiếng, kịch bản và tài liệu kèm theo phim cho cơ sở lưu trữ phim. 2. Cơ sở lưu trữ phim thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm lưu trữ phim của các cơ sở điện ảnh thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin và phim của các bộ, ngành, địa phương được cấp giấy phép phổ biến trong mạng lưới chiếu phim. 3. Cơ sở lưu trữ phim thuộc bộ, ngành lưu trữ phim lưu hành nội bộ; cơ quan nghiên cứu khoa học lưu trữ phim của cơ quan mình.

2. Tổ chức khai thác phim lưu trữ, cung cấp lại bản sao, in trích tư liệu cho cơ sở sản xuất phim có phim lưu trữ theo quy định của pháp luật.

5. Ngoài việc thực hiện những quyền, nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, cơ quan lưu trữ phim do Bộ Văn hoá - Thông tin quản lý được làm dịch vụ lưu trữ phim cho các cơ sở điện ảnh; được bán, cho thuê, phổ biến phim lưu trữ dịch vụ đã có giấy phép phổ biến theo sự thỏa

thuận của chủ sở hữu phim; được in sang, nhân bản để bán, cho thuê, phổ biến phim lưu chiếu khi có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước

CHƯƠNG VII THANH TRA VÀ XỬ LÝ VI PHAM

b) Phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về điện ảnh;

2. Sản xuất phim, cung cấp dịch vụ sản xuất phim không có giấy phép kinh doanh hoặc kinh doanh không đúng nội dung ghi trong giấy chứng nhận

3. Hợp tác, liên doanh sản xuất phim, cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài không có giấy phép của Bộ Văn hoá - Thông

4. Vi phạm quy định về ký kết và thực hiện hợp đồng giữa Giám đốc hoặc Tổng giám đốc doanh nghiệp sản xuất phim với chủ đầu tư hoặc với biên

3. Hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong hoạt động bảo quản, lưu trữ, phục hồi, khai thác phim.

4. Mua những tác phẩm điện ảnh có giá trị trong nước và nước ngoài để phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

```
5. Không trình duyệt phim để được cấp giấy phép trước khi phổ biến phim.
6. Không thành lập hội đồng thẩm định kịch bản văn học; không tổ chức đấu thầu đối với sản xuất phim đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước theo
1. Phát hành phim khi chưa có giấy phép phổ biến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh hoặc chưa có quyết định phát sóng của
Tổng giám đốc Đài truyền hình Việt Nam, Giám đốc đài phát thanh truyền hình cấp tỉnh.
```

5. Xuất khẩu phim chưa có giấy phép phổ biến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh hoặc chưa có quyết định phát sóng của

9. Quản lý và sử dụng phim nhập khấu phục vụ công tác nghiên cứu khoa học không đúng mục đích, cho người tham dự xem phim không đúng đối

1. Chiếu phim, phát sóng phim chưa có giấy phép phổ biến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh hoặc chưa có quyết định phát

2. Cơ sở sản xuất phim không nộp lưu trữ vật liệu gốc của phim tài trợ, đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước hoặc nộp không đủ số lượng, không đúng chủng loại cho cơ sở lưu trữ phim trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày phim được cấp giấy phép phổ biến của cơ quan quản lý nhà nước có

3. Cơ quan nhận lưu chiểu không nộp bản lưu chiểu cho cơ sở lưu trữ trong thời hạn mười hai tháng, kể từ ngày phim được cấp giấy phép phổ biến

3. Rạp chiếu phim không đủ tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Văn hoá - Thông tin. 4. Cho phép trẻ em vào rạp chiếu phim để xem loại phim cấm trẻ em. 5. Không thực hiện đúng quy định của Chính phủ về tỷ lệ số buổi chiếu, thời lượng, giờ chiếu phim, phát sóng phim Việt Nam; thời lượng và giờ chiếu phim, phát sóng phim cho trẻ em. Điều 52. Hành vi vi phạm trong lưu chiểu phim, lưu trữ phim 1. Cơ sở sản xuất phim, cơ sở nhập khẩu phim không nộp lưu chiểu hoặc nộp không đủ số lượng, không đúng chủng loại phim.

2. Chiếu phim, phát sóng phim đã có quyết định cấm phổ biến, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi, tịch thu, tiêu huỷ.

sóng của Tổng giám đốc Đài truyền hình Việt Nam, Giám đốc đài phát thanh truyền hình cấp tỉnh.

2. Phát hành phim sau khi có quyết định cấm phổ biến, tam đình chỉ, đình chỉ, thu hồi, tịch thu, tiêu huỷ.

4. In sang, nhân bản phim để phát hành không có hợp đồng hoặc không theo đúng hợp đồng với chủ sở hữu phim.

3. Phát hành băng phim, đĩa phim không dán nhãn kiểm soát của Bộ Văn hoá - Thông tin.

6. Xuất khẩu băng phim, đĩa phim không dán nhãn kiểm soát của Bộ Văn hoá - Thông tin.

7. Nhập khẩu phim không đúng quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều 30 của Luật này.

6. Cơ sở lưu trữ phim bán, cho thuê phim khi chưa được sự đồng ý của chủ sở hữu phim; chưa có giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh hoặc chưa có quyết định phát sóng của Tổng giám đốc Đài truyền hình Việt Nam, Giám đốc đài phát thanh - truyền hình cấp tỉnh. 7. Cơ sở lưu trữ phim do Bộ Văn hoá - Thông tin quản lý in sang, nhân bản để bán, cho thuê, phổ biến phim lưu chiểu khi chưa được sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh; quản lý, sử dụng nguồn thu không theo quy định của Bộ Văn hoá - Thông tin và Bộ Tài Điều 53. Xử lý vi phạm pháp luật về điện ảnh

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động điện ảnh thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành

CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

(Đã ký)

Nguyễn Phú Trọng

4. Cơ sở lưu trữ phim không cung cấp lại bản sao, in trích tư liệu của phim cho cơ sở sản xuất phim theo quy định của pháp luật.

5. Cơ sở lưu trữ phim không bảo đảm an toàn phim, vật liệu gốc của phim và không bảo quản theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật về lưu trữ.

Điều 55. Hướng dẫn thi hành Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều 5, 6, 11, 12, 14, 24, 30, 31, 33, 34, 35, 38, 41 và 53 của Luật này. Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006. CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Thuộc tính văn bản⊞ Tệp đính kèm: L62QH.DOC (131584 Byte) **W** Văn bản khác Quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng (10/06/2021) ☐ Hướng dẫn xây dưng kế hoach phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương (07/06/2021)

nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len giai đoạn 2021 - 2022 (21/05/2021)

Báo điện tử Chính phủ Trang chủ © CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

🖺 Bổ sung điểm g khoản 2 Điều 20 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP) về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dư án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (04/06/2021) Ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai (03/06/2021) Quy định chi tiết Nghi quyết số 1024/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban Thường vu Quốc hội về việc bổ sung nhóm hàng vật tư, thiết bị v tế vào Danh mục hàng dư trữ quốc gia (31/05/2021) Li Hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ (26/05/2021) 🗋 Quy định về bảo đảm thoát lũ, thông thoáng dòng chảy, an toàn để điều đối với việc xây dựng cầu qua sông có để (26/05/2021) Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vị phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (24/05/2021) Quy định về đánh giá sơ bộ tác động môi trường (21/05/2021) 🖺 Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ

Về đầu trang 心 Giới thiêu Cổng TTĐT Chính phủ | Sơ đồ Cổng thông tin | Liên hệ | English | 中文 Tổng Giám đốc: Nguyễn Hồng Sâm

Trụ sở: 16 Lê Hồng Phong - Ba Đình - Hà Nội.

Điện thoại: Văn phòng: 080 43162; Fax: 080.48924; Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn.

Bản quyền thuộc Cổng Thông tin điện tử Chính phủ.

Ghi rõ nguồn 'Cổng Thông tin điện tử Chính phủ' hoặc 'www.chinhphu.vn' khi phát hành lại thông tin từ các nguồn này.